TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/9/2022
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK HÀ - TỈNH KON TUM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Vân và bà Dương Thị Mỹ Xuân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà*:* Bà Trần Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường xét xử dân sự (Tầng 2) Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn****:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm sinh 1978. Địa chỉ: Thôn 7, xã W, huyện H, tỉnh T. Có mặt.

- ***Bị đơn****:* Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn 7, xã W, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 23 tháng 5 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, ngay từ ban đầu chung sống vợ chồng đã không hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt hơn. Năm 2013 chị Th và anh T được Tòa án nhân dân thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn. Nhưng đến năm 2015, vì thương các con nên chị Th và anh T quay về để vợ chồng đoàn tụ với nhau, rồi đăng ký kết hôn lại vào ngày 11/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố K, tỉnh L. Đến năm 2017 mâu thuẫn của vợ chồng tiếp tục xảy ra, nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc

sống sinh hoạt hàng ngày và trong công việc làm ăn mà không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn yêu thương nhau nữa, chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T có bốn người con chung tên là Nguyễn Tiến Tr, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2001; Nguyễn Thị Ngh, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2006; Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2010; Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013. Khi giải quyết ly hôn chị được quyền nuôi ba con chung là Nguyễn Thị Ngh; Nguyễn Thành Nh; Nguyễn Tài Đức và không yêu cầu anh Nguyễn Tiến T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Chị Th có đầy đủ vật chất và tinh thần để nuôi dưỡng các con ăn học cho đến khi trưởng thành. Còn cháu Nguyễn Tiến Tr đã trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Tiến T là bị đơn, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, song đến ngày mở phiên tòa anh T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung.

Tại các bản tự khai của các cháu Nguyễn Thị Ngh, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Tài Đ ngày 08 tháng 8 năm 2022 đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại Biên bản xác minh chính quyền địa phương nơi cư trú, về việc nơi cư trú và mâu thuẫn vợ chồng của chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T ngày 22 tháng 7 năm 2022 và ngày 25 tháng 7 năm 2022: Thể hiện anh Nguyễn Tiến T và chị Nguyễn Thị Th có đăng ký tạm trú và hiện nay đang cư trú tại Thôn 7, xã W, huyện H, tỉnh T. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T có xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn của vợ chồng thường xuyên xảy ra và anh T, chị Th tự giải quyết với nhau, chưa nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/8/2022 của người làm công cho chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T thấy rằng: Cuộc sống hàng ngày của vợ chồng chị T, anh T luôn bất đồng quan điểm từ cách dạy dỗ con cho đến chuyện làm ăn kinh tế và sinh hoạt, dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Trước đây vợ chồng chị T, anh T cũng đã ly hôn một lần, do thương các con nên chị Th đã chấp nhận cho anh T quay về đoàn tụ nhưng rồi tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện để hàn gắn được, nếu vợ chồng anh T, chị Th cứ tiếp tục chung sống sẽ ảnh hưởng đến con cái của anh, chị.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Nguyễn Tiến T vắng mặt, vụ án không hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm của mình yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T, vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ được. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th có yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Thị Ngh, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Tài Đ và chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Chị Th tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Còn bị đơn chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh luận tại phiên tòa; Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T là hợp pháp, nhưng chỉ vì vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt, nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

+ *Về con chung*: Giao các cháu Nguyễn Thị Ngh, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2006; Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2010; Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Tiến Tr, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2001 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được nên không đề cập xem xét giải quyết.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu anh Nguyễn Tiến T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của nguyên đơn và xem xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Tiến T có đăng ký tạm trú và hiện đang cư trú tại: Thôn 7, xã W, huyện H, tỉnh T cho nên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiến T, yêu cầu được nuôi con chung và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà đã thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp nuôi con đúng với quy định.

[1.3] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng xác định nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, bị đơn anh Nguyễn Tiến T.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tiến T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến T: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt. Năm 2013 được Tòa án nhân dân thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn. Nhưng đến năm 2015, thương các con nên chị Th và anh T quay về với nhau để vợ chồng đoàn tụ rồi đăng ký kết hôn lại vào ngày 11/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đống Đa, thành phố Plei Ku, tỉnh Giai Lai nên hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt và kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm trí anh T còn đánh đập chị Th khiến cho cuộc sống gia đình trở nên nặng nề, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình, không còn tình cảm yêu thương dành cho nhau, không còn gắn bó trách nhiệm với nhau và đã sống ly

thân từ hai năm nay. Nên chị Nguyễn Thị Th yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tiến T để ổn định cuộc sống.

Tài liệu xác minh người làm công cho chị T, anh T và tại chính quyền địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng từ năm 2017. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thời gian kết hôn đã lâu nhưng không có sự vun đắp bền vững dẫn đến việc vợ chồng xảy thường xuyên ra xung đột, không còn quan tâm, yêu thương dành cho nhau.

Tòa án tiến hành hòa giải và mở phiên tòa nhưng anh Nguyễn Tiến T đều vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

Đối với ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Tiến T: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T có 04 chung tên Nguyễn Tiến Tr, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2001; Nguyễn Thị Ngh, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2006; Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2010; Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013. Hiện nay các cháu đang sống cùng chị T, do chị Th nuôi dưỡng, tại Tòa án các cháu viết bản tự khai đều có nguyện vọng xin được ở cùng với chị Nguyễn Thị Th. Chị Th có yêu cầu xin được nuôi dưỡng ba cháu tên Nguyễn Thị Ngh, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Tài Đ. Còn đối với cháu Nguyễn Tiến Tr, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2001 đã trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn đối với cháu Nguyễn Tiến Tr là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th hiện nay có điều kiện về kinh tế, nhà ở, thu nhập ổn định (chị Th làm nghề thu mua nông sản) nên có thể đảm bảo tốt các điều kiện để nuôi dạy các con chung phát triển bình thường, điều này là phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung, phù hợp với điều kiện kinh tế của đương sự.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Tiến T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật và đạo đức nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu giải quyết, mặt khác không có lời khai của anh Nguyễn Tiến T về tài sản chung và công nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm*:* Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (hôn nhân gia đình sơ thẩm) theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tiến T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao ba cháu Nguyễn Thị Ngh, sinh ngày 17 tháng 3 năm 2006; Nguyễn Thành Nh, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2010; Nguyễn Tài Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu Nguyễn Tiến Tr đã trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được, chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con, nên anh Nguyễn Tiến T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con (anh Nguyễn Tiến T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (hôn nhân gia đình sơ thẩm) là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) chị Th đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001688 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2022) đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Tiến T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- TANDCC tại ĐN;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND P.Đ, TP. K, T. L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 203, Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 228, 238, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn chấp hành yêu cầu triệu tập, thông báo của Tòa án theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Vy Thúy H và anh Nông Minh K có 01 con chung là cháu Vy Trí B, sinh ngày 25/3/2012 hiện nay đang ở với chị Vy Thúy H. Xét về điều kiện nuôi con: Căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương cán bộ, công chức xã T ngày 05/11/2020 và Giấy xác nhận của phòng Lao động, Thương binh, Xã hội – Dân tộc huyện V ngày 19/11/2020 thì chị Vy Thúy H có công việc, có thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con, còn anh Nông Minh K tuy đã được thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc làm và mức thu nhập, tuy nhiên anh Nông Minh K không cung cấp được, không chứng minh được về công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo điều kiện nuôi con. Hơn nữa cháu Vy Trí B đã sinh sống cùng chị Vy Thúy H từ khi chị Vy Thúy H và anh Nông Minh K sống ly thân năm 2016 đến nay, hiện nay cháu đang có cuộc sống và học tập ổn định nên việc tiếp tục giao cháu Vy Thí B cho chị Vy Thúy H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo sự ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu khi bố, mẹ ly hôn. Việc giao con cho chị Vy Thúy H cũng phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Nông Minh K không trực tiếp nuôi con sẽ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Giao 02 con chung Chu Việt Kh, sinh ngày 21/6/2014 và Chu Đức M - sinh ngày: 17/10/2017 cho chị Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh Chu Việt Kh không phải cấp dưỡng Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.